

Số: 104/2024/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 31 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/5/2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Huỳnh Tuấn A**, sinh năm 1970

- Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: 63 đường N, tổ 17 phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Tuấn A và bà Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/6/2003 tại Ủy ban nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự cho thấy quá trình chung sống giữa ông Huỳnh Tuấn A và bà Nguyễn Thị N có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống. Gia đình hai bên có hòa giải nhưng không có kết quả. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Việc ông Huỳnh Tuấn A và bà Nguyễn Thị N yêu cầu được thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần công nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của ông bà.

[2]. Về con chung: Ông Huỳnh Tuấn A và bà Nguyễn Thị N xác định có 01 con chung là Huỳnh Tuấn V, sinh ngày 30/6/1990. Con chung đã thành niên nên không đề cập đến vấn đề người nuôi dưỡng.

[3]. Về tài sản chung: Ông Huỳnh Tuấn A và bà Nguyễn Thị N xác định không có tài sản chung.

[4]. Về các vấn đề khác: Ông Huỳnh Tuấn A và bà Nguyễn Thị N xác định không có nợ chung.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Căn cứ khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ông Huỳnh Tuấn A và bà Nguyễn Thị N phải chịu mỗi người 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Huỳnh Tuấn A và bà Nguyễn Thị N (Giấy chứng nhận kết hôn số 64 do Ủy ban nhân dân thị trấn A là phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai cấp ngày 06/6/2003 không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Con chung Huỳnh Tuấn V, sinh ngày 30/6/1990 đã thành niên nên không đề cập đến vấn đề người nuôi dưỡng.

1.3. Về tài sản chung: Ông Huỳnh Tuấn A và bà Nguyễn Thị N xác định không có tài sản chung.

1.4. Về các vấn đề khác: Ông Huỳnh Tuấn A và bà Nguyễn Thị N xác định không có nợ chung.

1.5. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Huỳnh Tuấn A và bà Nguyễn Thị N phải chịu mỗi người 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Huỳnh Tuấn A và bà Nguyễn Thị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0002580 ngày 23 tháng 5 năm 2024

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng;
- UBND phường Đ;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Hằng